

**Buổi 1: Bài Luyện Phát Âm 1****语音- Yǔyīn - Ngữ âm****1, 声母 – Thanh mẫu**

- Âm hai môi : **b** **p** **m**
- Âm môi răng: **f**
- Âm đầu lưỡi (giữa) : **d** **t** **n** **l**
- Âm cuống lưỡi: **g** **k** **h**

2, 韵母 - Vận mẫu

a	o	e	i	u	ü
ai	ei	ao	ou		

3, 拼音- Bảng ghép âm

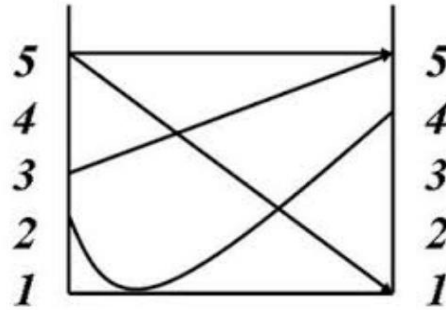
	a	o	e	i	u	ü	ai	ei	ao	ou
b	ba	bo		bi	bu		bai	bei	bao	
p	pa	po		pi	pu		pai	pei	pao	pou
m	ma	mo	me	mi	mu		mai	mei	mao	mou
f	fa	fo			fu			fei		fou
d	da		de	di	du		dai	dei	dao	dou
t	ta		te	ti	tu		tai		tao	tou
n	na		ne	ni	nu	nü	nai	nei	nao	nou
l	la		le	li	lu	lǚ	lai	lei	lao	lou
g	ga		ge		gu		gai	gei	gao	gou
k	ka		ke		ku		kai	kei	kao	kou
h	ha		he		hu		hai	hei	hao	hou
				yi	wu	yu				



Buổi 1: Bài Luyện Phát Âm 1

4, 声调 – Thanh điệu

- 第一声 55 : Thanh 1 mā nī bū
- 第二声 35: Thanh 2 má ní bú
- 第三声 214: Thanh 3 mǎ nǐ bǔ
- 第四声 51: Thanh 4 mà nì bù



*** Chú ý 1: Thanh điệu khác nhau thì ý nghĩa biểu đạt cũng khác nhau. Ví dụ:**

b ā

八



b á

拔



b ǎ

靶



b à

爸



*** Chú ý 2: Kí hiệu thanh điệu viết trên nguyên âm chính.**

Khi nguyên âm i mang thanh điệu phải bỏ dấu chấm ở trên i đi. Ví dụ : nǐ, bǐ. Khi vận mẫu của một âm tiết có hai hoặc hơn hai nguyên âm thì kí hiệu thanh điệu phải được viết ngay trên nguyên âm có độ mở của cửa miệng lớn nhất (Thứ tự: a, o, e, i, u, ü)

Ví dụ: hǎo, mèi, lóu.

*** Chú ý 3: Biến điệu thanh 3**

Khi hai âm tiết mang 2 thanh 3 liền nhau, thì thanh 3 thứ nhất đọc thành thanh 2.

Ví dụ: nǐ hǎo → ní hǎo

*** Chú ý 4: Quy tắc viết:**

Vận mẫu “ i ,u, ü ” có thể đứng một mình thành một âm tiết. Khi đó “ i,u, ü ” lần lượt viết thành “ i → yi ; u → wu và ü → yu ”

**Buổi 1: Bài Luyện Phát Âm 1****II, 练习- Liànxí- Bài tập.....****Bài 1, 声调 – Thanh điệu**

yī	yí	yǐ	yì	-----	yī
wū	wú	wǔ	wù	-----	wū
yū	yú	yǔ	yù	-----	yú
bā	bá	bǎ	bà	-----	bā
dā	dá	dǎ	dà	-----	dā
bū	bú	bǔ	bù	-----	bū
nū	nú	nǔ	nù	-----	nū
kōu	kóu	kǒu	kòu	-----	kōu
bāi	bái	bǎi	bài	-----	bái
hēi	héi	hěi	hèi	-----	hēi
mā	má	mǎ	mà	-----	mā
nī	ní	nǐ	nì	-----	nī
hāo	háo	hǎo	hào	-----	hāo

Bài 2, 变调- Biǎn diào

nǐ hǎo měihǎo wǔbǎi Běihǎi gěi nǐ yǔfǎ kěyǐ fǔdǎo

Bài 3, 辨音-Phân biệt âm**(1) 辨别声母 – Phân biệt thanh mẫu**

ba	pa	da	ta	ga	ka
bu	pu	du	tu	gu	ku
bai	pai	dai	tai	gai	kai
bao	pao	dou	tou	gao	kao



Buổi 1: Bài Luyện Phát Âm 1

(2) 辨别韵母 – Phân biệt vận mẫu

<i>ba</i>	<i>bo</i>	<i>he</i>	<i>fo</i>
<i>pa</i>	<i>po</i>	<i>ne</i>	<i>mo</i>
<i>ma</i>	<i>mo</i>	<i>de</i>	<i>bo</i>
<i>fa</i>	<i>fo</i>	<i>ke</i>	<i>po</i>

<i>bai</i>	<i>bei</i>	<i>pao</i>	<i>pou</i>
<i>mai</i>	<i>mei</i>	<i>hao</i>	<i>hou</i>
<i>gai</i>	<i>gei</i>	<i>kao</i>	<i>kou</i>
<i>hai</i>	<i>hei</i>	<i>gao</i>	<i>gou</i>

(3) 辨音辨调- Phân biệt âm , thanh điệu 5'05

<i>bā</i>	<i>pà</i>	<i>dà</i>	<i>tā</i>	<i>hé</i>	<i>fó</i>	<i>gē</i>	<i>kè</i>
<i>bǐ</i>	<i>pí</i>	<i>dé</i>	<i>tè</i>	<i>hòu</i>	<i>fǒu</i>	<i>gū</i>	<i>kǔ</i>
<i>bù</i>	<i>pù</i>	<i>dì</i>	<i>tì</i>	<i>hēi</i>	<i>fěi</i>	<i>gǎi</i>	<i>kǎi</i>
<i>bái</i>	<i>pái</i>	<i>dú</i>	<i>tú</i>	<i>hù</i>	<i>fù</i>	<i>gěi</i>	<i>děi</i>
<i>běi</i>	<i>péi</i>	<i>dài</i>	<i>tài</i>	<i>hā</i>	<i>fā</i>	<i>gǒu</i>	<i>kǒu</i>

(4) 认读 – Nhận mặt chữ và đọc

<i>yī hào</i>	<i>bā hào</i>	<i>nǐ hǎo</i>	<i>bù hǎo</i>
<i>dà mǎ</i>	<i>bái mǎ</i>	<i>dìtú</i>	<i>yìtú</i>
<i>dàitóu</i>	<i>tái tóu</i>	<i>dà lóu</i>	<i>tǎlóu</i>
<i>kèfú</i>	<i>kèkǔ</i>	<i>dà yú</i>	<i>dà yǔ</i>
<i>yǔfǎ</i>	<i>lǐ fà</i>	<i>měihǎo</i>	<i>méi lái</i>





Buổi 1: Bài Luyện Phát Âm 1

BÀI TẬP LUYỆN ÂM BỔ SUNG

1. NGHE THẦY CÔ ĐỌC VÀ ĐIỀN THANH ĐIỀU

- 他怕狗，也怕大老虎，不怕黑猫。
Ta pa gou, ye pa da laohu , bu pa hei mao.
- 法语难。俄语不太难。阿拉伯语也不难。
Fayu nan. E yu bu tai nan, Alabo yu ye bu nan
- 那匹白马不太大，也不太美
Na pi bai ma bu tai da, ye bu tai mei.

2. LUYỆN ĐỌC Ở NHÀ:

1. LUYỆN ĐỌC ÂM TIẾT

pà	mài	bāo	hǎi	dàgài	máoyī	fúwù	tǐyù
hē	fǎ	nǚ	tè	tígāo	nǚlì	líkāi	hēibái
fēi	dōu	lèi	kǎo	mǎlù	báimǐ	bǎimǐ	àihào

2. LUYỆN ĐỌC CÂU

- | | |
|------------------------------------|--|
| (1) Gēge dǎ dìdi, dìdi kū. | (4) Tā ài dǎ máoyī, Màikè ài pǎobù. |
| (2) Bàba pà māma, māma bú pà bàba. | (5) Nǚ mǎi lí, tā mǎi yú, Mǎlì mǎi dànǐ. |
| (3) Māma hē kāfēi, gēge hē kělè. | (6) Gēge bǐ dìdi gāo, dìdi bǐ gēge ǎi |